

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **07/2020/DS-ST**
Ngày: 23 - 7 - 2020
“*V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Dậu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nay H'Chim.

2. Bà Đỗ Thị Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 250/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2020; Giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam; Địa chỉ: XX, đường Đ, Quận K, Thủ đô Hà Nội.

Người đại diện theo Pháp luật: Ông Lê Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Anh Q – Phó giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần C Việt Nam Chi nhánh Gia Lai, CMND số 233 124 081 do Công an tỉnh Kon Tum cấp ngày 06/12/2005. (Theo văn bản ủy quyền thường xuyên tham gia tố tụng số 443/UQ-HĐQT-NHCT18 ngày 20/5/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam). Địa chỉ: Ngân hàng TMCP C Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai 01 Đ – TP.K – Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D; Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn N; Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/9/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam (Ngân hàng) trình bày:

Theo Hợp đồng cho vay số 437/2018-HĐCV/NHCT500-NGUYENTHI DUYEN ngày 18/5/2018 thì bà Nguyễn Thị D đã vay của Ngân hàng số tiền là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*) với mục đích chăm sóc đầu tư trồng mới Tiêu, chăm sóc vườn Tiêu, vườn Cà phê kinh doanh. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 18/5/2018. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10,8%/năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên đối với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng, lãi suất vay vốn áp dụng lãi suất thả nổi = lãi suất TGTK 12 tháng TLS VNĐ + Biên độ 4%. Ngày trả lãi đầu tiên 18/6/2018 và trả lãi vào ngày 18 hàng tháng.

Để đảm bảo khoản vay trên bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn N đã thế chấp cho Ngân hàng những tài sản sau: Quyền sử dụng diện tích đất 2274m² và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 29b, tờ bản đồ số 17, tại thôn Tứ Kỳ Nam, xã Al Bá, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai; Đất đã được UBND huyện Chư Sê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP090803, ngày 16/4/2014. Quyền sử dụng diện tích đất 4877 m² và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 10, tại thôn Tứ Kỳ Nam, xã Al Bá, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai; Đất đã được UBND huyện Chư Sê cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP090802, ngày 16/4/2014. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 494/HĐTC, ngày 21/5/2015, được công chứng tại Văn phòng đăng công chứng Chư Sê ngày 21/5/2015, được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất ngày 22/5/2015.

Trong quá trình quan hệ tín dụng, bà Nguyễn Thị D chỉ mới thanh toán tiền lãi đến ngày 18/4/2019 và vi phạm thời hạn trả nợ gốc ngày 20/5/2019 (do ngày 18/5/2019 là ngày thứ 7 nên khoản vay được chuyển hạn trả nợ sang ngày 20/5/2019).

Qua nhiều lần làm việc và thông báo nợ quá hạn, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà D chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam Chi nhánh Gia Lai 239.936.398 đồng (*Hai trăm ba mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi tám đồng*), trong đó nợ gốc là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử là 39.936.398 đồng (*Ba mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi tám đồng*).

Trong trường hợp bà D, ông N không trả được nợ, Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn bà Nguyễn Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N. Tuy nhiên, bà D và ông N không đến Tòa án làm việc, tại phiên tòa bà D và ông N tiếp tục vắng mặt. Do đó, Tòa án không lấy được ý kiến của ông bà đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cung cấp đầy đủ chứng cứ đảm bảo theo đúng quy định. Bị đơn bà Nguyễn Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Về phần nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn N có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam Chi nhánh Gia Lai 239.936.398 đồng (*Hai trăm ba mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi tám đồng*), trong đó nợ gốc là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử là 39.936.398 đồng (*Ba mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi tám đồng*). Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị D các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà ông bà đã thế chấp khi ông bà thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp bà D và ông N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Buộc bà D và ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam. Buộc bà D và ông N phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai giải quyết « Tranh chấp Hợp đồng tín dụng » giữa Ngân hàng với bị đơn bà Nguyễn Thị D có địa chỉ tại thôn N, xã B, huyện S, tỉnh Gia Lai; theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn N đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Bị đơn không có yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu đòi nợ gốc và lãi của nguyên đơn, thấy rằng:

Hình thức và nội dung hợp đồng tín dụng số 437/2018-HĐCV/NHCT500-NGUYENTHIDUYEN ngày 18/5/2018 mà hai bên ký kết phù hợp với quy định

của Bộ luật Dân sự, lãi suất được tính theo thỏa thuận trong Hợp đồng là phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng nên hợp đồng có hiệu lực pháp luật kể từ ngày các bên xác lập.

Bà D chỉ mới thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi trong hạn đến ngày 18/4/2019 và vi phạm thời hạn trả tiền gốc kể từ ngày 20/5/2020. Ngân hàng đã nhiều lần làm việc và thông báo nợ quá hạn yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà D không thanh toán nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự.

Nguyên đơn yêu cầu bà D và ông N cùng có nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Xét thấy, tại giấy đề nghị vay vốn đều có chữ ký của bà D, ông N và tại mục 7 của giấy này thể hiện ông N ủy quyền cho bà D đại diện ký và thực hiện các hợp đồng vay, giấy nhận nợ.... Bà D và ông N cùng ký thế chấp tài sản cho ngân hàng để đảm bảo khoản vay trên. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn N có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam Chi nhánh Gia Lai 239.936.398 đồng (*Hai trăm ba mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi tám đồng*), trong đó nợ gốc là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 39.936.398 đồng (*Ba mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi tám đồng*).

[3]. Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Ngày 27/02/2020, Tòa án nhân dân huyện Chư Sê đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, kiểm tra hiện trạng sử dụng của tài sản thế chấp xác định được:

Quyền sử dụng diện tích đất 2274 m² thuộc thửa đất số 29b, tờ bản đồ số 17, tại Thôn Tứ Kỳ Nam, xã Al Bá, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai có vị trí phù hợp với số tờ bản đồ, số thửa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP090803 do UBND huyện Chư Sê cấp ngày 16/4/2014 mang tên ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị D. Đất có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp đường (trong đó hiện trạng nhà ông N, bà Du đang sử dụng một phần đường này); Phía Tây giáp đất ông Trần Văn Q; Phía Nam giáp đường (trong đó hiện trạng nhà ông N, bà D đang sử dụng một phần đường này); Phía Bắc giáp đất ông Trần Văn N và bà Đào Thị T. Về tài sản gắn liền với đất: 01 căn nhà cấp 4, sân, cây cà phê, giếng nước.

Quyền sử dụng diện tích đất 4877 m² thuộc thửa đất số 46, tờ bản đồ số 10, tại thôn Tứ Kỳ Nam, xã Al Bá, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai có vị trí phù hợp với số tờ bản đồ, số thửa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP090802 do UBND huyện Chư Sê cấp ngày 16/4/2014 cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị D. Đất có vị trí tứ cận như sau: Phía Đông giáp đất ông N và bà T; Phía Tây giáp đất bà Lê Thị T; Phía Nam giáp đường do người dân tự mở; Phía Bắc giáp đất ông Trần Kha M. Về tài sản gắn liền với đất: cây cà phê và một số cây bóng mát (làm hàng rào).

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ là của ông N, bà D và chưa có phát sinh việc tranh chấp.

Xét thấy, hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp số 494/HĐTC, ngày 21/5/2015 được công chứng tại Văn phòng đăng công chứng Chư Sê ngày 21/5/2015, được đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất ngày 22/5/2015 phù hợp với quy định tại các Điều 292, 293, 295, 298, 317, 318 và Điều 319 Bộ luật Dân sự nên có hiệu lực pháp luật.

Vậy nên, Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị D các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mà ông bà đã thế chấp khi ông bà thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 322 Bộ luật Dân sự. Trong trường hợp bà D và ông N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bất động sản nêu trên để thu hồi nợ theo Điều 299 Bộ luật Dân sự và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng.

[4]. Về chi phí Xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn N phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.200.000đ (*Hai triệu hai trăm nghìn đồng*). Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí này. Do đó, cần buộc bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Trần văn N có nghĩa vụ thanh toán lại 2.200.000 đ (*hai triệu hai trăm nghìn đồng*) cho ngân hàng, phù hợp với Điều 155, 156, 157 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Duyên và ông Noi phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 155, Điều 156, Điều 157, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 280, 288, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 322, 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 90, 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam Chi nhánh Gia Lai 239.936.398 đồng (*Hai trăm ba mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi tám đồng*); trong đó, nợ gốc là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng*), nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 39.936.398 đồng (*Ba mươi chín triệu chín trăm ba mươi sáu nghìn ba trăm chín mươi tám đồng*).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này”. (trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay) .

2. Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam Chi nhánh Gia Lai có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP090802 do UBND huyện Chư Sê cấp ngày 16/4/2014 mang tên ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị D và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP090803 do UBND huyện Chư Sê cấp ngày 16/4/2014 mang tên ông Trần Văn N và bà Nguyễn Thị D cho ông N và bà D khi ông bà thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

3. Trường hợp bà D và ông N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản mà ông N và bà D đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 494/HĐTC, ngày 21/5/2015 để thu hồi nợ.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn N phải thanh toán lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam Chi nhánh Gia Lai chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị D và ông Trần Văn N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 11.996.819 đồng (Mười một triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn tám trăm mười chín đồng) {36.000.000 đ + (227.233.333 đ X 3%)} để sung vào công quỹ Nhà nước.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam thông qua Ngân hàng thương mại cổ phần C Việt Nam Chi nhánh Gia Lai số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.167.000đồng (Năm triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002701 ngày 19/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

7. “*Trường hợp Bản, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự*”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chư Sê;
- Các đương sự;
- Thi hành án DS huyện Chư Sê;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Dịu